

Bản án số: 579/2020/HS-PT  
Ngày 25 – 9 – 2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Thành Long

*Các Thẩm phán:* Bà Huỳnh Thanh Duyên

Ông Nguyễn Văn Tửu

**-Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Tấn Duy Minh - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Đỗ Thành Đạt - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 23 và 25 tháng 9 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đưa ra xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 225/2020/TLPT-HS ngày 25 tháng 6 năm 2020 đối với bị cáo Tổng Thị Mai P.

Do có kháng cáo của bị cáo Tổng Thị Mai P và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 124/2020/HS-ST ngày 19 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Bị cáo có kháng cáo và bị kháng nghị:**

**1. Tổng Thị Mai P (tên gọi khác: C);** giới tính: Nữ; sinh năm: 1968 tại Thành phố Hà Nội; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 25, ngõ 192, Đường K, quận Đ, Hà Nội; chỗ ở: G22.14 Chung cư The Manor, số 91 đường N, Phường 22, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 10/12; nghề nghiệp: Không; con ông Tổng Đức N (chết) và bà Đinh Thị D (chết); hoàn cảnh gia đình: Có 02 con, con lớn sinh năm 1988, con nhỏ sinh năm 1994; tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giam từ ngày 25/01/2016 (có mặt).

*Người bào chữa cho bị cáo Tổng Thị Mai P:* Luật sư Hồ Hoài N – Công ty Luật TNHH T, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

**- Các bị cáo (không có kháng cáo):**

1/ Nguyễn Thành P; giới tính: Nam; sinh năm: 1986 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 13 Lô H, khu dân cư B, Phường 4, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: 6/12; nghề nghiệp: Không; con ông Nguyễn Văn M và bà Huỳnh Kim H; hoàn cảnh gia đình: Có 01 con sinh năm 2005; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 05/4/2011 bị Tòa án nhân dân quận Tân Bình xử phạt 03 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo Bản án số 122/2011/HSST.

Bị bắt tạm giam từ ngày 20/01/2016 (vắng mặt).

2/ Hồ Hữu H; giới tính: Nam; sinh năm: 1994 tại Đồng Nai; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 409/88/42 KP3, phường T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa giáo; trình độ văn hóa: 10/12; nghề nghiệp: Không; con ông Hồ Hữu T và bà Trần Thị L; hoàn cảnh gia đình: Có vợ tên Trần Thị Hồng S và 01 con sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giam từ ngày 20/01/2016 (vắng mặt).

3/ Hoàng Ngọc Anh T (tên gọi khác: Bi, Đẹp); giới tính: Nữ; sinh năm: 1985 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 76/1B (số cũ là 76/7A đường T, Phường 15, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: 158/7C đường H, Phường 13, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 11/12; nghề nghiệp: Không; con ông Hoàng Xuân H (chết) và bà Bùi Thị Ngọc A; hoàn cảnh gia đình: Chưa có chồng con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giam từ ngày 24/01/2016 (vắng mặt).

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (không có kháng cáo):**

1/ Bà Trương Thị T, sinh năm 1963 (vắng mặt); Địa chỉ: 318 đường N, Khu phố 3, Phường 1, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

2/ Bà Hoàng Ngọc Hoài P, sinh năm 1997 (vắng mặt); Nơi cư trú: 76/1B Đường T, Phường 15, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh. Chỗ ở: 163/24/89 Đường T, Phường 13, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Bà Bùi Thị Ngọc A, sinh năm 1960 (vắng mặt); Nơi cư trú: 76/1B Đường T, Phường 15, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh. Chỗ ở: 163/24/89 Đường T, Phường 13, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

4/ Ông Tống Nguyên T, sinh năm 1986 (vắng mặt); Địa chỉ: 37 Ngõ 580 đường T, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Vào lúc 09 giờ 30 phút ngày 20/01/2016, tại nhà xe khách Hoàng Long, bến xe Miền Đông, phường H, quận T, Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy (PC47) - Công an Thành phố Hồ Chí Minh phối hợp với Phòng 4 – Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy (C47B) và Công an phường H, quận Thủ Đức kiểm tra bắt quả tang Nguyễn Thành P có hành vi tàng trữ chất ma túy để bán cho người khác, thu giữ bên trong thùng giấy của Phú gồm: 01 gói nylon chứa tinh thể màu trắng, qua giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 469,30g loại Ketamine và 01 gói nylon chứa tinh thể không màu là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 903,40g, loại Methamphetamine (MA). Lúc 14 giờ cùng ngày, Cơ quan Cảnh sát điều tra (PC47) – Công an Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Nguyễn Thành P tại: Phòng số 5, nhà số 90/30 Đường A, Phường 3, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, thu giữ: 01 gói nylon chứa tinh thể không màu, qua giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 4,2279g loại MA và 03 cân điện tử (Kết luận giám định số 411, 412/KLGD – H ngày 26/01/2016 và Kết luận giám định bổ sung số 80/GĐBS-H ngày 14/3/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an Thành phố Hồ Chí Minh). Như vậy, tổng khối lượng ma túy Phú bị bắt quả tang và khám xét là **1.376,9279g** loại MA và Ketamine. Trong lúc khám xét nhà Phú còn có Hồ Hữu H- là đối tượng phụ bán ma túy cho Phú cũng đang có mặt nên Cơ quan điều tra đã đưa về trụ sở sau đó thi hành lệnh bắt khẩn cấp để điều tra làm rõ hành vi phạm tội.

Quá trình điều tra, Nguyễn Thành P khai nhận: Lượng ma túy mà Phú bị thu giữ như trên là do Phú mua của một người phụ nữ tên M (không rõ lai lịch) với giá 400.000.000 đồng/kg, phương thức mua bán là ma túy được giấu trong thùng trái cây rồi chuyển theo xe khách cho Phú, khi Phú bán ma túy xong sẽ có người của M đến thu tiền. Phú mua của M 02 lần, lần đầu vào ngày 10/01/2016, Phú mua của M 01kg ma túy đá, việc mua bán đã hoàn tất; Lần 2 vào ngày 20/01/2015, P đặt mua của M 01kg ma túy đá, sau đó P đến nhà xe Hoàng Long nhận thùng trái cây bên trong chứa ma túy đang trên đường mang về nhà thì bị bắt quả tang cùng vật chứng như trên, tuy nhiên P không rõ vì sao M gửi thêm cho P 0,5kg Ketamine vào trong gói hàng này. Sau khi mua ma túy, P nhờ Hồ Hữu H đem giao ma túy cho B, U, H, B An (không rõ lai lịch) khoảng 07 lần với số lượng từ 0,83g đến 05g ma túy đá, với giá từ 500.000 đồng đến 3.000.000 đồng và 05 lần nhận tiền bán ma túy từ B, U, L, H và người phụ nữ không rõ họ tên, lai lịch về giao lại cho P. Lần cuối cùng, vào ngày 19/01/2016, P kêu Hiếu đi giao 0,83g ma túy đá cho người phụ nữ không rõ lai lịch nhận 500.000 đồng về giao lại cho P. Đối với gói ma túy đá thu giữ tại nhà P khi khám xét (4,2279g, loại Methamphetamine) là ma túy P mua của M chưa bán hết, ngày 20/1/2016, P gọi Hiếu đến nhà lấy gói ma túy này đem bán cho khách thì bị bắt giữ như đã nêu trên. Hồ Hữu H khai nhận phù hợp với lời khai của Nguyễn Thành P.

Ngoài ra, trước thời gian mua ma túy từ M, P có mua ma túy của Hoàng Ngọc Anh T 02 lần nhưng do Thụ nâng giá nên P không mua của Thụ nữa.

Mở rộng điều tra, vào lúc 16 giờ 30 phút ngày 24/01/2016, tại giao lộ Nguyễn Thượng Hiền – Nguyễn Thị Minh Khai, Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy (PC47) – Công an Thành phố Hồ Chí Minh phối hợp Cục C47B

– Bộ Công an bắt quả tang Hoàng Ngọc Anh T đang cất giấu ma túy để bán cho người khác, thu giữ trong túi quần của T 02 gói nilon chứa tinh thể không màu, qua giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 11,1695g, loại MA. Tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của T tại: 158/7C Hòa Hưng, Phường 13, Quận 10, thu giữ: 16 gói nilon chứa tinh thể không màu, qua giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 1.826,7938g loại MAe; 01 gói nilon chứa 2 viên nén tròn màu đỏ là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 1,1819g loại MA (Kết luận giám định số 442/KLGD-H ngày 11/4/2016 và Kết luận giám định bổ sung số 78, 79/GĐBS-H ngày 14/3/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an Thành phố Hồ Chí Minh). Như vậy, tổng khối lượng ma túy T bị bắt quả tang và khám xét tại nơi ở là **1.839,1452g** loại MA.

Quá trình điều tra, T khai nhận: Lượng ma túy mà T bị thu giữ như trên là do T mua từ Tống Thị Mai P 02 lần vào tháng 01/2016 với tổng khối lượng là 1kg ma túy đá với giá 400.000.000 đồng, T đã thanh toán cho P 200.000.000 đồng, còn nợ lại 200.000.000 đồng; và 01kg ma túy đá cùng 2 viên thuốc lắc do một người bạn xã hội của T tên “Anh Hai” (không rõ lai lịch) đến nhà gửi T giữ dùm nhưng chưa đến nhận lại thì bị bắt và thu giữ như trên. Về việc bán lại số ma túy trên, T đã bán cho P 02 lần vào ngày 10/01/2016 và 18/01/2016 với tổng khối lượng là 350g ma túy đá có giá là 157.500.000 đồng. Ngoài ra, T còn bán ma túy cho Hội (không rõ lai lịch) 02 lần, lần 01 bán 10g giá 6.000.000 đồng và lần 02 vào ngày 24/01/2016 đang trên đường đi bán thì bị bắt quả tang.

Cơ quan điều tra tiến hành cho Nguyễn Thành P và Hoàng Ngọc Anh T nhận dạng, kết quả cả P và T đều xác định T chính là người đã bán ma túy cho P. Nhưng P chỉ thừa nhận có mua ma túy từ T 02 lần với tổng khối lượng là 200g ma túy đá. Tại Tòa, P thừa nhận đã mua ma túy của T với tổng khối lượng là 350g ma túy đá.

Tiếp tục mở rộng điều tra, trên cơ sở lời khai của T và tài liệu chứng cứ đã thu thập được, vào lúc 20 giờ 15 phút ngày 24/01/2016, Cơ quan Cảnh sát điều tra (PC47) – Công an Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành bắt khẩn cấp Tống Thị Mai P, khám xét chỗ ở của P tại: Phòng số G22.14 Chung cư The Manor, 91 Đường N, Phường 22, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh thu giữ gồm: 06 gói nilon chứa tinh thể không màu, qua giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 165,11g loại MA; 04 gói nilon chứa tinh thể không màu, qua giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 4,6743g loại Ketamine; 01 gói nilon chứa tinh thể không màu, qua giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 1,2531g loại Ketamine; 14 gói nilon chứa tinh thể không màu, qua giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 698,98g loại MA; 01 gói nilon chứa tinh thể không màu qua giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 41,82g loại MA; 02 gói nilon chứa tinh thể không màu, qua giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 1,9868g loại MA; 01 gói nilon chứa tinh thể không màu qua giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 34,5305g loại MA; 01 gói nilon chứa 21 viên nén tròn màu đỏ, qua giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 2,0602g loại MA. Ngoài ra, còn thu giữ lá cây khô trong 02 gói nilon hiệu “SCOOBYSNAX” có trọng lượng 2,7495g, 02 gói nilon hiệu “PLATINUM” có trọng lượng 2,7860g, 01 gói nilon

hiệu “ALABAMA WILDFIRE” có trọng lượng 1,1836g, trong gói giấy có trọng lượng 4,8334g qua giám định không tìm thấy thành phần chất ma túy thường gặp (Kết luận giám định số 445/KLGD-H ngày 13/5/2016 và Kết luận giám định bổ sung số 77/GĐBS-H ngày 14/3/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an Thành phố Hồ Chí Minh). Như vậy, tổng khối lượng ma túy P bị thu giữ là **950.4149g** loại MA và Ketamine.

Quá trình điều tra, P khai nhận: Lượng ma túy mà P bị thu giữ như trên là do P mua từ một người phụ nữ không rõ lai lịch, liên lạc mua bán qua điện thoại, giao nhận ma túy tại bãi cỏ khu vực sân bay Tân Sơn Nhất. Trước đó, khoảng tháng 01/2016, P mua 500g ma túy giá 175.000.000 đồng đem về bán lại cho T một lần duy nhất với giá 200.000.000 đồng, nhưng sau đó T báo lại là ma túy bị khét nên yêu cầu đổi lại. Lần sau, vào ngày 23/01/2016, P đến bãi cỏ sân bay lấy 500g ma túy khác để đổi lại cho T như đã hứa, cùng một số ma túy đá và cỏ Mỹ đem về nhà, nhưng chưa kịp đổi cho T thì đến ngày 24/01/2016 đã bị Công an thu giữ lượng ma túy như trên.

Trong quá trình khám xét nơi ở của Tống Thị Mai P, Cơ quan điều tra thu giữ 01 giấy Chứng minh nhân dân ghi tên Nguyễn Thị Thu H; Ngày sinh: 14/10/1967; HKTT: xã K, thị xã B, tỉnh Bắc Ninh; Số CMND: 125519037 do Công an tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 28/7/2009. Tuy nhiên giấy CMND lại dán hình của Tống Thị Mai P và P sử dụng để thuê căn hộ G22.14 chung cư The Manor từ khoảng tháng 6/2015 đến khi bị bắt. Cơ quan Cảnh sát điều tra (PC47) – Công an Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành trưng cầu Phòng PC54 – Công an tỉnh Bắc Ninh giám định giấy CMND nói trên. Kết quả giám định:

- + Phôi giấy CMND số 125519037 đúng với mẫu so sánh lưu tại Phòng PC54 – Công an tỉnh Bắc Ninh.

- + Tại vị trí dán ảnh trên CMND có dấu vết rách cơ học một phần phôi CMND.

- + Phần hình ảnh tương ứng vị trí dán ảnh trên CMND gửi giám định phát hiện có 2 lớp giấy ảnh khác nhau, tách rời và có 2 màu khác biệt.

- + Hình dấu vân tay dưới mục “Ngón trở phải” và “Ngón trở trái” trên giấy CMND với hình dấu vân tay dưới mục “Ngón trở phải” và “Ngón trở trái” trên chỉ bản số 054 của Tống Thị Mai P, lập ngày 26/1/2016 tại PC81B – Công an Thành phố Hồ Chí Minh không phải là dấu vân tay của cùng một người.

Tống Thị Mai P khai nhận: Do P thường xuyên vào Thành phố Hồ Chí Minh chơi nên muốn tìm thuê một căn hộ chung cư để ở. Qua bạn bè xã hội giới thiệu, tháng 6/2015 có một người phụ nữ tên H nhượng lại cho P thuê căn hộ số G22.14 chung cư The Manor, số 91, Đường N, Phường 22, quận B để ở. H đưa cho P 01 giấy CMND số 125519037 có dán hình của H và bảo P lấy hình của P dán vào giấy CMND để đề phòng Cơ quan công an kiểm tra. Mục đích của P là để tiếp tục ký hợp đồng thuê căn hộ, đăng kí ra vào chung cư cho tiện đi lại. Tiến hành xác minh ghi lời khai của Nguyễn Thị Thu H nhưng H đã bỏ đi khỏi địa phương nên không ghi lời khai được. Tuy Tống Thị Mai P có hành vi sử

dụng giấy chứng minh nhân dân của Nguyễn Thị Thu H dán ảnh của P vào để sử dụng thuê nhà ở nhưng do hành vi của P chưa gây hậu quả nên cơ quan điều tra không xem xét xử lý về hành vi “Sửa chữa, sử dụng giấy chứng nhận và tài liệu của cơ quan tổ chức”.

Vật chứng vụ án:

1/ Thu giữ của Nguyễn Thành P:

- 02 gói niêm phong, lần lượt ghi vụ 411/2016 và vụ 412/2016, bên ngoài có chữ ký của GĐV Võ Anh Tuấn và ĐTV Hắc Xuân Hùng, bên trong là ma túy sau khi giám định.

- 01 điện thoại di động hiệu Nokia

- 01 điện thoại di động hiệu Oppo

- 03 cân điện tử

- 01 xe mô tô hiệu Yamaha Classico, biển số: 51L6-5567, số máy: 23C1-010686, số khung: RLCM23C109Y010686. Xác minh tại Công an Quận 8, xe Sinuda biển số: 51L6-5567 thuộc sở hữu của anh Nguyễn Minh Phụng, ngụ tại: 225/14B Đường A, Phường 3, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Anh Phụng khai đã bán xe cho một người đàn ông (không rõ lai lịch) từ năm 2012 với giá 7.000.000 đồng và đã giao giấy tờ xe. Xác minh xe máy vật chứng tại Phòng Cảnh sát truy nã – Công an Thành phố Hồ Chí Minh xác định xe có số máy, số khung trên là loại xe Yamaha màu trắng, biển kiểm soát 63-034.13-B do bà Trương Thị T đứng tên đăng ký. Bà Thu khai xe trên thuộc sở hữu của bà. Ngày 12/6/2013, bà Thu cho em dâu là bà Lê Nguyễn Thoại Vân mượn xe và bị mất trộm tại xã Long Hưng, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang. Bà Vân đã trình báo sự việc tại Cơ quan Công an. Nguyễn Thành P khai mua xe Yamaha Classico biển số: 51L6-5567 từ năm 2015 của một người đàn ông tên Trọng (không rõ lai lịch) với giá 4.000.000 đồng, không làm giấy tờ mua bán, không có giấy tờ xe. P vẫn sử dụng xe nói trên đi mua bán ma túy đến khi bị Công an bắt.

- Tiền VNĐ: 4.000.000 đồng đã nộp tại Kho bạc Nhà nước Quận 10, P khai là tiền do mua bán ma túy mà có.

2/ Thu giữ của Hoàng Ngọc Anh T:

- 02 gói niêm phong, lần lượt ghi vụ 441/2016 và vụ 442/2016, bên ngoài có chữ ký của GĐV Phan Tấn Quốc và ĐTV Hắc Xuân Hùng, bên trong là ma túy sau khi giám định.

- 01 điện thoại di động hiệu Nokia; 01 cân điện tử; 01 máy ép nhựa; 08 đĩa nhựa màu trắng; một số gói nylon chưa sử dụng; 01 máy tính màu đen hiệu Dell; 01 kết sắt.

- Tiền VNĐ: 465.000.000 đồng, đã nộp tại Kho bạc Nhà nước Quận 10. T khai trong đó có 55.000.000 đồng là tiền cá nhân của Hoàng Ngọc Hoài P – em của T, còn 410.000.000 đồng là tiền của Bùi Thị Ngọc A – mẹ của T cất giữ trong kết sắt.

- Xe gắn máy hiệu Honda Vision màu xanh, biển số: 59U1-570.37, số máy: JF33E-0484738, số khung: RLHJF3313DY-404569. Qua xác minh do Hoàng Ngọc Hoài P đứng tên đăng ký. P khai nhận chiếc xe trên là của P mua từ năm 2013. Ngày 24/01/2016, Hoàng Ngọc Anh T rủ P đi ăn, do T không có xe nên P dùng xe của mình chở T đi thì bị bắt giữ. P không biết việc T tham gia mua bán ma túy. Do đó, Cơ quan điều tra đã trao trả chiếc xe trên cho Hoàng Ngọc Mai P.

3/ Thu giữ của Tống Thị Mai P:

- 05 gói niêm phong ghi vụ 445/2016 (gói 1, gói 2, gói 3, gói 4, gói 5), bên ngoài có chữ ký của GDV Phan Tấn Quốc và ĐTV Hắc Xuân Hùng, bên trong là ma túy sau khi giám định.

- 01 giỏ màu trắng hiệu Kelly Pang; 01 hộp giấy màu trắng hiệu Imeden; 01 cân điện tử; 01 vali màu đen hiệu Leaves king; 01 chùm chìa khóa có bóp da; 01 túi da màu đen; 03 điện thoại Nokia; 01 máy tính bảng hiệu Samsung; 01 máy tính bảng hiệu Ipad; 01 máy tính xách tay hiệu Sony, Vaio; 01 thẻ ATM Vietcombank số 97444366807124852017 tên Tống Thị Mai P; 01 chìa khóa;

- Tiền VNĐ: 310.000.000 đồng đã nộp tại Kho bạc Nhà nước Quận 10. P khai là tiền của Tống Nguyên T – cháu của P gửi mang vào Thành phố Hồ Chí Minh để đóng tiền mua nhà chung cư.

4/ Thu giữ của Hồ Hữu H:

- 01 điện thoại hiệu Oppo.

- 01 điện thoại hiệu Nokia.

Tại Bản Cáo trạng số 114/CTr-VKS-P1 ngày 08/02/2017 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố đối với các bị cáo như sau:

Nguyễn Thành P bị truy tố về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” đối với khối lượng ma túy đã mua của T và bị bắt quả tang, khám xét thu giữ có tổng khối lượng là 1.726,9279g loại MA và Ketamine (trong đó gồm: 1.376,9279g thu giữ quả tang loại Ketamine và MA + 350g loại MA do P khai đã mua của T trước đó), thuộc trường hợp các chất ma túy khác ở thể rắn có trọng lượng từ 300g trở lên theo điểm e khoản 4 Điều 194 của Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Hồ Hữu H bị truy tố về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” với vai trò đồng phạm giúp sức cho Nguyễn Thành P, thuộc trường hợp phạm tội nhiều lần theo điểm b khoản 2 Điều 194 của Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Tống Thị Mai P bị truy tố về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” đối với khối lượng ma túy đã bán cho T và khám xét thu giữ có tổng khối lượng là 1.450,4149g loại Methamphetamine và Ketamine (500g + 950,4149g) thuộc trường hợp các chất ma túy khác ở thể rắn có trọng lượng từ 300g trở lên theo điểm e khoản 4 Điều 194 của Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Hoàng Ngọc Anh T bị truy tố về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” đối với khối lượng ma túy đã bán cho P và bắt quả tang có tổng khối lượng là 2.189,1452g MA (350g + 1.839,1452g) thuộc trường hợp các chất ma túy khác ở thể rắn có trọng lượng từ 300g trở lên theo điểm e khoản 4 Điều 194 của Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Đối với các đối tượng bán ma túy cho Tống Thị Mai P và Nguyễn Thành P, các đối tượng mua ma túy của Hoàng Ngọc Anh T và Nguyễn Thành P, đối tượng “Anh Hai” gửi ma túy cho T, do các bị can khai không rõ lai lịch, địa chỉ nên Cơ quan điều tra không có cơ sở xác minh làm rõ để xử lý.

Ngày 10/5/2017, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung số 114/2017/HSST/QĐ trả hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh để làm rõ mâu thuẫn trong lời khai về khối lượng ma túy mà Nguyễn Thành P đã mua của Hoàng Ngọc Anh T, cụ thể: T khai nhận đã bán ma túy đá cho P 02 lần, tổng cộng là 350g nhưng P chỉ thừa nhận mua ma túy của T 02 với tổng khối lượng là 200g. Do đó, cần tiến hành đối chất giữa hai bị cáo và yêu cầu bổ sung thêm các chứng cứ khác làm căn cứ buộc tội đối với Hồ Hữu H.

Ngày 22/8/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành đối chất giữa Nguyễn Thành P và Hoàng Ngọc Anh T, kết quả cả 02 bị cáo đều không thừa nhận quen biết và có quan hệ mua bán ma túy với nhau.

Ngày 17/8/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh ra Kết luận điều tra bổ sung số 137-29 với nội dung: Mặc dù hiện nay P và T đều phủ nhận lời khai trước đây nhưng căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có đủ cơ sở kết luận P và T có quan hệ mua bán ma túy. Đối với Hồ Hữu H, trong suốt quá trình điều tra, lời khai của Hiếu và P là phù hợp với nhau, đều thừa nhận việc P chỉ đạo Hiếu đem ma túy đi giao và nhận tiền của nhiều đối tượng khác nhau nên đủ cơ sở kết luận Hồ Hữu H đã phạm tội mua bán trái phép chất ma túy.

Ngày 12/3/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra ra Quyết định trưng cầu giám định bổ sung số 137-33A, 137-33B, 137-33C, 137-33D, 137-33E yêu cầu xác định lại khối lượng, loại chất ma túy đã thu giữ của các bị cáo. Ngày 14/3/2018, Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh ra Kết luận số 77, 78, 79 và 80/GĐBS-H giám định bổ sung về đối tượng giám định.

*Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 124/2020/HS-ST ngày 19 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, đã tuyên xử:*

Căn cứ điểm e khoản 4, khoản 5 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Tống Thị Mai P 20 (hai mươi) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày 25/01/2016.



Buộc bị cáo Tổng Thị Mai P nộp lại số tiền thu lợi bất chính là 25.000.000 đồng, và nộp phạt số tiền là 10.000.000 đồng để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về tội danh và hình phạt của các bị cáo Nguyễn Thành P, Hoàng Ngọc Anh T và Hồ Hữu H; xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 25/5/2020, bị cáo Tổng Thị Mai P kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Cũng trong ngày 25/5/2020 bị cáo Nguyễn Thành P kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Tuy nhiên đến ngày 27/5/2020 bị cáo P có đơn xin rút kháng cáo. Việc rút kháng cáo của bị cáo trong thời hạn kháng cáo nên coi như không có kháng cáo.

Ngày 02/6/2020, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị một phần bản án sơ thẩm và đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo Tổng Thị Mai P từ 20 năm tù lên tù chung thân.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh vẫn giữ nguyên kháng nghị đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo Tổng Thị Mai P. Bị cáo P thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như án sơ thẩm quy kết, cho rằng mình chỉ có hành vi mua bán 950,4149g ma túy vì trong số ma túy bị cơ quan điều tra phát hiện thu giữ khi khám xét có 500g ma túy do trước đó bị cáo bán cho Hoàng Ngọc Anh T 500g nhưng bị khét, T yêu cầu bị cáo đổi lại vì thế bị cáo đã liên lạc với người bán nhận số ma túy mang về cất giữ để đổi cho T nhưng chưa kịp đổi thì bị bắt. Bị cáo xin Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ của bị cáo.

*Đại diện Viện kiểm sát xét xử phúc thẩm phát biểu:* Căn cứ vào các chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa thấy rằng; Hành vi của bị cáo mua ma túy của người khác bán cho Hoàng Ngọc Anh T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Tại phiên tòa bị cáo không xuất trình được thêm tình tiết giảm nhẹ nào mới, do đó đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo. Đối với kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị chấp nhận đối với số lượng ma túy mà bị cáo P mua bán là 1.450,4149g loại MA và Ketamine, đồng thời tăng hình phạt đối với bị cáo lên mức án tù chung thân.

*Luật sư bào chữa cho bị cáo trình bày:*

Căn cứ vào lời khai của bị cáo P tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra về hành vi bán ma túy cho bị cáo Hoàng Ngọc Anh T nhưng bị khét, được bị cáo T thừa nhận nên có căn cứ xác định bị cáo Tổng Thị Mai P chỉ bán ma túy một lần duy nhất cho Hoàng Ngọc Anh T 500g ma túy. Sau khi nhận ma túy thì phát hiện ma túy mà P bán cho mình bị ướt, kém chất lượng nên bị cáo T yêu cầu đổi lại. Do đó sau khi liên lạc được với người bán ma túy và được người này đồng ý nên ngày 23/01/2006 bị cáo đã đến bãi cỏ thuộc khu vực sân bay Tân Sơn Nhất nhận của người bán một khối lượng ma

túy, trong đó có 500g ma túy để đổi lại cho Hoàng Ngọc Anh T nhưng chưa kịp đổi lại thì bị phát hiện bắt giữ. Do đó kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh cáo buộc bị cáo có hành vi mua bán 1.450,4149g ma túy là cộng 02 lần số lượng ma túy bán cho T. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo. Đồng thời do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự, giảm hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Vì mục đích tư lợi nên bị cáo Tổng Thị Mai P đã liên lạc với một người phụ nữ không rõ lai lịch để thỏa thuận mua ma túy và địa điểm giao nhận là tại bãi cỏ khu vực sân bay Tân Sơn Nhất nhằm bán lại kiếm lời. Vào lúc 20 giờ 15 phút ngày 24/01/2016 Cơ quan cảnh sát điều tra (PC47) – Công an thành phố Hồ Chí Minh tiến hành khám xét và bắt khẩn cấp Tổng Thị Mai P thu giữ tại phòng số G22.14 chung cư The Manor số 91 đường N, phường 22, quận B thuộc sự quản lý sử dụng của Tổng Thị Mai P thu giữ nhiều loại ma túy và qua giám định xác định là ma túy có khối lượng 950,4149g loại MA và Ketamine.

[2] Quá trình điều tra, xét xử bị cáo khai nhận diễn biến hành vi phạm tội như nêu trên và thừa nhận chính bị cáo là người trực tiếp điện thoại liên lạc với một người phụ nữ không rõ lai lịch để thỏa thuận mua ma túy và giao nhận tại bãi cỏ khu vực sân bay Tân Sơn Nhất nhằm bán lại kiếm lời, trong đó đã bán một lần cho Hoàng Ngọc Anh T. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố bị cáo phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm a khoản 4 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về khối lượng ma túy mà bị cáo Tổng Thị Mai P mua bán là 1.450,4149g, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Tại các phiên tòa xét xử, cũng như trong quá trình điều tra và cả trong buổi đối chất ngày 21/7/2016 (bút lục số 169) bị cáo Tổng Thị Mai P chỉ thừa nhận bán cho Hoàng Ngọc Anh T một lần vào đầu tháng 01/2016 với khối lượng 500g, tuy nhiên sau đó T có điện thoại thông báo số ma túy không đạt chất lượng và yêu cầu đổi lại. Đến ngày 23/01/2016 sau khi liên lạc được với người bán ma túy và được đồng ý đổi lại. Bị cáo đã đến tại khu vực bãi cỏ thuộc khu vực sân bay Tân Sơn Nhất nhận ma túy để đổi lại cho Hoàng Ngọc Anh T và mua thêm một số loại ma túy khác. Số lượng ma túy bị cáo cất giữ tại nơi ở bao gồm cả 500g nhằm mục đích đổi lại cho Hoàng Ngọc Anh T. Quá trình điều tra ngoài khối lượng ma túy phát hiện khi khám xét thì chỉ thông qua lời khai của bị cáo Tổng Thị Mai P và bị cáo Hoàng Ngọc Anh T, trong đó bị cáo T cũng thừa nhận mua ma túy từ bị cáo P nhưng bị khét, bị ứt, kém chất lượng. Các lời khai của các bị cáo P, T còn có mâu thuẫn về việc đã đổi lại hay chưa đổi lại số ma túy kém chất lượng, nhưng không còn chứng cứ nào khác trong khi bị cáo P chỉ

thừa nhận bán 500g ma túy cho Hoàng Ngọc Anh T. Do đó cấp sơ thẩm chỉ quy kết bị cáo Tống Thị Mai P có hành vi mua bán 950,4149g ma túy loại MA và Ketamine là thực hiện nguyên tắc có lợi cho bị cáo. Đồng thời trong vụ án này có nhiều bị cáo tham gia với nhân thân và khối lượng mua bán ma túy khác nhau, nhưng khi đề nghị hình phạt, Viện kiểm sát cấp sơ thẩm đã đề nghị mức hình phạt đối với cả Nguyễn Thành P, Hoàng Ngọc Anh T và Tống Thị Mai P mức án tù chung thân như nhau là không đảm bảo nguyên tắc cá thể hóa hình phạt. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Tống Thị Mai P mức án cao nhất của tù có thời hạn là có căn cứ, công bằng khi cân nhắc đối với các bị cáo khác. Do đó kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Tống Thị Mai P, Hội đồng xét xử nhận thấy: Khi quyết định hình phạt, cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo như thành khẩn khai báo, có nhân thân tốt, gia đình bị cáo có công với cách mạng. Tại phiên tòa hôm nay bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ nào mới, đồng thời khối lượng ma túy bị cáo mua bán là lớn nên không có căn cứ giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, cần giữ nguyên án sơ thẩm.

[4] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát xét xử phúc thẩm tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo của bị cáo Tống Thị Mai P là có căn cứ, nhưng đề nghị chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Quan điểm của Luật sư đề nghị không chấp nhận khối lượng ma túy là 1.450,4149 quy kết bị cáo Tống Thị Mai P là có căn cứ được chấp nhận. Không chấp nhận áp dụng điều 54 Bộ luật hình sự khi quyết định hình phạt của vị Luật sư.

[5] Án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh và kháng cáo của bị cáo Tống Thị Mai P. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 124/2020/HS-ST ngày 19 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

1. Áp dụng điểm e khoản 4, khoản 5 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Tổng Thị Mai P 20 (hai mươi) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày 25/01/2016.

Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

2. Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Tổng Thị Mai P phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tối cao; (1)
- VKSNDCC tại TP Hồ Chí Minh; (1)
- TAND TP Hồ Chí Minh; (1)
- VKSND TP Hồ Chí Minh; (1)
- Công an TP Hồ Chí Minh; (1)
- Sở Tư pháp TP Hồ Chí Minh; (1)
- Cục THADS TP Hồ Chí Minh; (1)
- Trại tạm giam TP Hồ Chí Minh; (2)
- (để tổng đạt cho bị cáo)
- Lưu VT (6), HS (2) T.17 (BA 36). (1)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thành Long**